|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Ngày dạy | Tuần | Tiết PPCT | Lớp | Tiến độ | Ghi chú |
| 26/04/2024 | /5/2024 | 35 | 52 | 7C |  | ĐG CHUNG |

**ĐÁNH GIÁ -KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Củng cố những kiến thức về địa lí - lịch sử từ tuần 19 đến hết tuần 35

- Củng cố kiến thức về địa lí từ tuần 19 đến tuần 35.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung: Giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự học.

- Năng lực chuyên biệt:

+ Với phân môn Địa lí: Năng lực tái hiện kiến thức Địa lí, nhận xét, đánh giá, rút ra bài học Địa lí từ kiến thức Địa lí và liên hệ thực tế.

3**. Phẩm chất**

- Trân trọng, giữ gìn, phát huy những kiến thức đã được tiếp thu trong chương trình.

II. CHUẨN BỊ

1.Giáo viên

- Ma trận, bản đặc tả, đề

2. HS: Ôn tập, bút chì, thướng kẻ, tẩy…

A. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

**Thời gian: 45 phút**

**1. Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  **(TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |
| *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | |
| CHÂU MỸ | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ  – Đặc điểm dân cư, xã hội BM, NM và Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ | 3 (0,75đ) |  |  |  |  | 1/2  (1đ) |  | 1/2  (0,5đ) | **4 câu**  **(2,25đ = 22.5%)** |
| CHÂU ĐẠI DƯƠNG | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương  khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  – Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia  – Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người | 4  (1 đ) |  |  | 1  (1,5đ) |  |  |  |  | **5 câu (2,5đ)= 25%** |
| CHÂU NAM CỰC | – Vị trí địa lí của châu Nam Cực  – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực  – Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực | 1  (0.25đ) |  |  |  |  |  |  |  | **1 câu (0,25đ)= 2,25%** |
| ***Chủ đề 2*** | - Đô thị: Lịch sử và hiện tại. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Số câu** | | **8 TN** |  |  | **1 TL** |  | **½ TL** |  | **½ TL** |  |
| **Tỉ lệ %** | | ***20%*** |  |  | ***15%*** |  | ***10%*** |  | ***5%*** | ***10 câu (5đ)=50%*** |
| **Tổng hợp chung** | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng số câu/ Tỉ lệ %** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận***  ***dụng cao*** |  |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |  |
| **1** | **CHÂU MỸ** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ  – Phương thức con người khai thác, sử dụng và  bảo vệ thiên nhiên ở các khu vực châu Mỹ | **Nhận biết**  – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.  **Vận dụng cao**  – Phân tích được vấn đề khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Trung và Nam Mỹ thông qua trường hợp rừng Amazon. | 3 (0,75đ) |  | 1/2  (1đ) | 1/2  (0,5đ) | **3 câu**  **(2,25đ = 22.5%)** |
| **2** | **CHÂU ĐẠI DƯƠNG** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Đại Dương  – Đặc điểm thiên nhiên của các đảo, quần đảo và lục địa Australia  – Một số đặc điểm dân cư, xã hội và phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | **Nhận biết**  – Xác định được các bộ phận của châu Đại Dương; vị trí địa lí, hình dạng và kích thước lục địa Australia.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và khoáng sản.  – Trình bày được đặc điểm dân cư, một số vấn đề về lịch sử và văn hoá độc đáo của Australia.  **Thông hiểu**  – Phân tích được đặc điểm khí hậu Australia, những nét đặc sắc của tài nguyên sinh vật ở Australia.  **Vận dụng cao**  – Phân tích được phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở Australia. | 4  (1 đ) | 1  (1,5đ) |  |  | **5 câu (2,5đ)= 25%** |
| 3 | CHÂU NAM CỰC | – Vị trí địa lí của châu Nam Cực  – Lịch sử phát kiến châu Nam Cực  – Đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của châu Nam Cực | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực.  – Trình bày được đặc điểm thiên nhiên nổi bật của châu Nam Cực: địa h́ình, khí hậu, sinh vật.  **Thông hiểu**  – Trình bày được lịch sử khám phá và nghiên cứu châu Nam Cực.  **Vận dụng cao**  – Mô tả được kịch bản về sự thay đổi của thiên nhiên châu Nam Cực khi có biến đổi khí hậu toàn cầu. | 1  (0.25đ) |  |  |  | **1 câu (0,25đ)= 2,25%** |
|  | **Chủ đề chung**  **ĐÔ THỊ LỊCH SỬ VÀ HIỆN TẠI** | Đô thị: Lịch sử và hiện tại | **Nhận biết**  - Trình bày được mối quan hệ giữa đô thị với các nền văn minh cổ đại.  **Thông hiểu**  - Phân tích được vai trò của giới thương nhân với sự phát triển đô thị châu âu trung đại  **Vận dụng**  **-** Phân tích được các điều kiện địa lý và lịch sử góp phần hình thành và phát triển một đô thị cổ đại và trung đại (qua một số trường hợp cụ thể)  **Vận dụng cao**  - Đánh giá được vai trò của các tầng lớp thương nhân đối với sự phat triển của các quốc gia ngày nay |  |  |  |  |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1/2 câu TL | 1/2 câu TL | ***10 câu*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** | ***(5đ)=50%*** |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM**  **Năm học 2023 - 2024** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II**  **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 7 -** **Đề 01**  *(Thời gian làm bài 45 phút)* |

**Họ và tên**:...............................................

***Lớp:..*..**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2.0 điểm). Em hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1. Con sông nào dài nhất Châu Mỹ?**

A. Sông Missouri  B. Sông A-ma-dôn. C. Sông Mit-xi-xi-pi   D. Sông Ri-ô Gran-đê.

**Câu 2. Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hoá theo chiều bắc - nam, thể hiện rõ nhất ở đặc điểm nào?**

A. Sự phân hoá khí hậu. B. Sự phân hoá địa hình.

C. Sự phân hoá khí hậu và cảnh quan. D. Sự phân hoá cảnh quan.

**Câu 3. Hiện nay thành phần dân cư Trung và Nam Mỹ phần lớn là người nào?**

A. Người Anh-điêng. B. Người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

C. Người gốc Phi. D. Người lai.

**Câu 4. Lục địa Ô-xtrây-li-a có vị trí địa lí** **như thế nào?**

A. Nằm ở phía tây nam Ấn Độ Dương, thuộc bán cầu Nam.

B. Nằm ở phía tây nam Thái Bình Dương, thuộc bán cầu Nam.

C. Nằm ở phía đông nam Đại Tây Dương, thuộc bán cầu Nam.

D. Nằm ở trung tâm Thái Bình Dương, thuộc bán cầu Nam.

**Câu 5. Địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a, từ tây sang đông lần lượt là**

A. Vùng núi - vùng sơn nguyên - vùng đồng bằng.

B. Vùng đồng bằng - vùng núi - vùng sơn nguyên.

C. Vùng sơn nguyên - vùng núi - vùng đồng bằng.

D. Vùng sơn nguyên - vùng đồng bằng - vùng núi.

**Câu 6.** **Động vật mang tính biểu tượng của Ô-xtrây-li-a là loại nào?**

A. Gấu trúc. B. Chim cánh cụt. C. Kăng-gu-ru. D**.** Cá sấu.

**Câu 7. Các thành phố lớn ở Ô-xtrây-li-a đều nằm tập trung ở khu vực nào sau đây?**

A. Ven biển phía đông và phía nam B. Ven biển phía bắc và phía tây.

C. Sơn nguyên tây Ô-xtrây-li-a. D. Đồng bằng trung tâm.

**Câu 8. Đặc điểm nổi bật về khí hậu của Châu Nam Cực là gì?**

A. Lạnh và khô nhất thế giới.  B. Khô nhất thế giới.

C. Lạnh nhất thế giới.   D**.** Lạnh nhưng ẩm.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm)** Cho bảng số liệu:Tỉ lệ số dân đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1950** | **1975** | **2000** | **2020** |
| Tỉ lệ số dân đô thị (%) | 42,0 | 61,7 | 75,3 | 81,3 |

**Hãy:** a. Tính tỉ lệ số dân nông thôn ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

b. Vẽ biểu đồ cột thể hiện tỉ lệ số dân đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

c. Nhận xét tỉ lệ số dân đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

**Câu 2**: **(1,5 điểm)**

Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li-a và giải thích tại sao phần lớn lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô nóng?

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT VĨNH BẢO  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN BỈNH KHIÊM**  **Năm học 2023 - 2024** | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II**  **PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 7 -** **Đề 02**  *(Thời gian làm bài 45 phút)* |

**Họ và tên**:...............................................

***Lớp:..*..**

**I. PHẦN TN (2.0 điểm). Em hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1.** **Sự phân hoá tự nhiên theo chiều đông - tây ở Nam Mỹ thể hiện rõ nhất ở**

A. Sự phân hoá cảnh quan. B. Sự phân hoá địa hình.

C. Sự phân hoá khí hậu. D. Sự phân hoá khí hậu và cảnh quan.

**Câu 2. Ngôn ngữ chính ở Trung và Nam Mỹ là**

A. Tiếng Pháp. B. Tiếng Anh. C. Tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. D. Ngôn ngữ bản địa.

**Câu 3. Rừng A-ma-dôn thuộc loại rừng nào?**

A. Rừng cận nhiệt. B. Rừng lá kim.

C. Rừng lá rộng. D. Rừng nhiệt đới.

**Câu 4. Vùng đảo châu Đại Dương có vị trí địa lí**

A. Nằm ở phía tây nam Thái Bình Dương. B. Nằm ở trung tâm Thái Bình Dương.

C. Nằm ở trung tâm Ấn Độ Dương. D. Nằm ở phía đông nam Đại Tây Dương.

**Câu 5. Địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a, từ đông sang tây lần lượt là:**

A. Vùng sơn nguyên - vùng đồng bằng - vùng núi.

B. Vùng đồng bằng - vùng núi - vùng sơn nguyên.

C. Vùng sơn nguyên - vùng núi - vùng đổng bằng.

D. Vùng núi - vùng đổng bằng- vùng sơn nguyên.

**Câu 6.** **Thực vật mang tính biểu tượng của Ô-xtrây-li-a là**

A. Cây bạch dương. B. Cây phong. C. Cây keo hoa vàng. D. Cây tre.

**Câu 7. Mật độ dân số ở Ô-xtrây-lia so với thế giới là**

 A. Rất thấp.    B. Thấp. C. Trung bình. D. Cao.

**Câu 8. Trong các loài vật dưới đây, loài nào là biểu tượng ở Nam Cực?**

A. Chim cánh cụt.     B. Hải cẩu. C. Gấu trắng. D. Cá voi xanh.

**II. PHẦN TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

**Câu 1. (1,5 điểm)**

**Cho bảng số liệu sau:** Tỉ lệ số dân đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **1950** | **1975** | **2000** | **2020** |
| Tỉ lệ số dân đô thị (%) | 41,0 | 60,7 | 75,3 | 80,3 |

**Hãy:**

a. Tính tỉ lệ số dân nông thôn ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

b. Vẽ biểu đồ cột thể hiện tỉ lệ dân số đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

c. Nhận xét tỉ lệ số dân đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.

**Câu 2**: **(1,5 điểm)**

Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li-a và giải thích tại sao phần lớn lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô nóng?

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

***I. Trắc nghiệm khách quan (2,0đ). Mỗi đáp án đúng được 0,25đ***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | B | C | D | B | D | C | A | A |

***II. Tự luận (3,0đ)***

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| ***Câu 1***  ***(1,5đ)*** | a. Tính tỉ lệ số dân nông thôn ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **1950** | **1975** | **2000** | **2020** | | Tỉ lệ số dân nông thôn (%) | 59,0 | 39,3 | 24,7 | 19,7 | | 0,5 |
| b. Vẽ biểu đồ cột thể hiện tỉ lệ dân số đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.  - Vẽ biểu đồ cột  - Biểu đồ cân đối, đẹp | 0.5 |
| c. Nhận xét tỉ lệ số dân đô thị ở Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 - 2020.  - Tỉ lệ số dân đô thị của Trung và Nam Mỹ giai đoạn 1950 – 2020 đều tăng  -> Mức đô thị hóa cao | 0, 5 |
| ***Câu 2***  ***(1,5đ)*** | \* Trình bày đặc điểm khí hậu của lục địa Ô-xtrây-li-a  - Đại bộ phận lục địa lãnh thổ Ô-xtrây-li-a thuộc đới nóng. Khí hậu có sự thay đổi từ bắc xuống nam và từ đông sang tây.  + Dải bờ biển hẹp phía bắc lục địa có khí hậu cận xích đạo. Nhìn chung nóng, ẩm và mưa nhiều. Lượng mưa trung bình từ 1000-1500 mm/năm.  + Khí hậu nhiệt đới chiếm phần lớn diện tích. Sườn đông dãy Trường Sơn khí hậu nhiệt đới ẩm, mưa nhiều, mát mẻ, lượng mưa từ 1000-1500 mm/năm. Từ sườn tây dãy Trường Sơn đến bờ tây lục địa có khí hậu nhiệt đới lục địa, ít mưa, độ ẩm rất thấp, mùa hạ nóng, mùa đông lạnh.  + Dải đất phía nam lục địa có khí hậu cận nhiệt đới. Nhìn chung mùa hạ nóng, mùa đông ấm áp. Lượng mưa dưới 1000 mm/năm.  + Phía Nam đảo Ta-xma-ni-a có khí hậu ôn đới. | 0.75đ |
| \* Giải thích tại sao phần lớn lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô nóng?  - Đường chí tuyến Nam đi ngang qua giữa lục địa nên phần lớn lãnh thổ Australia nằm trong khu vực áp cao chí tuyến vì vậy khó gây mưa.  - Phía đông Australia có hệ thống dãy núi cao, chạy sát biển từ Bắc xuống Nam, chắn gió ẩm từ các vùng biển thổi vào  - Do ảnh hưởng của dòng biển lạnh phía Tây Australia chảy sát bờ làm cho vùng duyên hải phía Tây có lượng mưa rất ít. | 0,75 |